



ISO 9001:2015

BẢNG ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Phòng: Hoạt động/ Dự án:						Loại		Rất cao (RC)	Cao (C)	Trung bình (TB)	Thấp (T)	Rất thấp (RT)		Lập:		Ngày:		Mẫu biểuBM-23-01						
						Điểm		16 ~ 25	10 ~15	6~9	3~5	1~2		Kiểm tra		Ngày:								
						Cấp độ		5	4	3	2	1		Duyệt:		Ngày:								
STT (No)	Trạng thái kiểm soát	Mô tả rủi ro	Cấp độ rủi ro	Nguyên nhân dự kiến	Hậu quả dự kiến	Chủ sở hữu rủi ro		Đánh giá trước khi thực hiện biện pháp giảm thiểu rủi ro						Phương án giảm thiểu Tần suất (Mitigation of Frequency)	Phương án giảm thiểu Hậu quả (Mitigation of Effect)	Ngày hoàn thành dự kiến (Plan Action Date)	Ngày hoàn thành thực tế (Actual Action Date)	Đánh giá sau khi thực hiện biện pháp giảm thiểu rủi ro					Ghi chú (Remark)	
						Họ tên	Bộ phận	Tần suất (Probability)	Tác động - Mức độ nghiêm trọng (Severity)			Điểm số rủi ro						Tần suất (Probability)	Tác động - Mức độ nghiêm trọng (Severity)			Điểm số rủi ro		
								Tiến độ (Schedule)	Chi phí (Cost)	M. trường/ Luật (Environment/ Law)									Tiến độ (Schedule)	Chi phí (Cost)	Môi trường (Environment)	Con người (People)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	M	Không mua được thép khuôn	C	Chủng loại đặc biệt	Chậm tiến độ 20 ngày, mất hợp đồng 80tr	Mr. A	R&D	3	5	2	1	1	15	Xác nhận với nhà cung cấp	Đàm phán với khách hàng	30.06.2018	28.06.2018	1	3	1	1	1	3	
2	Đ	Cháy nổ từ khu bếp	TB	Bếp gas, Bình gas	Chết người, hỏng TS, chậm tiến độ 3 ngày	M s. B	VPTH	2	4	2	2	3	8	Kiểm tra định kỳ	Thay thế củ hỏng	30.06.2018	28.06.2018	1	1	2	2	1	2	

Ghi chú:

STT	Mục	Hướng dẫn
(1)	STT (No)	Thứ tự của rủi ro được nhận diện trong Danh mục đăng ký rủi ro
(2)	Tình trạng (Status)	Mô tả tình trạng của rủi ro: (M) Mờ: Các hành động để thực hiện ứng phó rủi ro chưa hoàn thành ; (Đ) Đồng: Các hành động để thực hiện ứng phó rủi ro đã hoàn thành
(3)	Mô tả rủi ro (Risk Description)	Mô tả rủi ro phải trả lời nhưng không giới hạn các câu hỏi: Ai, cái gì, khi nào, như thế nào,... (Mỗi nguy)
(4)	Phân loại rủi ro	Ký hiệu rủi ro theo Bảng phân loại Rủi ro (PLRR)
(5)	Nguyên nhân dự kiến (Possible cause)	Dựa trên các mô tả rủi ro để dự đoán các nguyên nhân dẫn đến rủi ro
(6)	Hậu quả (tác động) dự kiến (Possible effect)	Dự đoán các tác động của rủi ro liên quan đến tiến độ, chi phí, môi trường, con người....
(7)	Chủ sở hữu rủi ro (Risk Owner)	Các thông tin của chủ sở hữu rủi ro
(8)&(18)	Tần suất (Probability)	Cho điểm theo tiêu chí của Bộ phận về đánh giá Tần suất xảy ra rủi ro
(9)&(19)	Tiến độ (Schedule)	Cho điểm theo tiêu chí của Bộ phận về đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến Tiến độ
(10)&(20)	Chi phí (Cost)	Cho điểm theo tiêu chí của Bộ phận về đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến Chi phí
(11)&(21)	Môi trường / Pháp luật (Environment/ Law)	Cho điểm theo tiêu chí của Bộ phận về đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến Môi trường/ Pháp luật
(12)&(22)	Con người (People)	Cho điểm theo tiêu chí của Bộ phận về đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến Con người
(13)&(23)	Cấp độ rủi ro (Criticality)	Bảng điểm Tần suất xảy ra rủi ro nhân với Tác động có điểm số cao nhất
(14)	Phương án giảm thiểu tần suất (Mitigation of Frequency)	Các biện pháp giảm thiểu tần suất xảy ra rủi ro, dựa trên nguyên nhân đã nhận diện trong mục (6)
(15)	Phương án giảm thiểu hậu quả (Mitigation of Effect)	Các biện pháp giảm thiểu tác động của rủi ro, dựa trên hậu quả đã nhận diện trong mục (7)
(16)	Ngày hoàn thành dự kiến (Plan Action Date)	Thảo luận và đề xuất ngày hoàn thành các biện pháp đã đề ra ở mục (14), (15)
(17)	Ngày hoàn thành thực tế (Actual Action Date)	Ghi nhận ngày hoàn thành thực tế các biện pháp đã đề ra ở mục (14), (15)
(24)	Ghi chú (Remark)	Đối với các rủi ro không thực hiện được các giải pháp để giảm mức độ rủi ro đến mức độ thấp phải ghi rõ lý do để NCTQ phê duyệt